



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình
Địa chỉ: Thôn Bộ Đầu, xã Ninh An, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Ngày lấy mẫu: 06/03/2024
Tên mẫu: Nước thải sinh hoạt
Loại mẫu: Nước thải
Tình trạng mẫu: Mẫu được bảo quản theo quy định
Thời gian thử nghiệm: 06/03/2024 – 18/03/2024

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A, Cmax)
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492 : 2011	7,6	5 - 9
2	BOD ₅ (20°C) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1 : 2021	6,4	36
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C: 2023	12	-
4	Tổng chất rắn hòa tan ^(b)	mg/L	CEECS/NT/HT/TDS	420	600
5	Dầu mỡ động, thực vật ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F: 2023	0,3 (LOQ=0,9)	12
6	Tổng các chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/L	TCVN 6622-2:2000	<0,02	6
7	TSS (Tổng chất rắn lơ lửng) ^(b)	mg/L	TCVN 6625: 2000	13	60
8	Sunfua (tính theo H ₂ S) ^(b)	mg/L	TCVN 6637: 2000	<0,05	1,2
9	NH ₄ ⁺ -N (Amoni tính theo N) ^(a,b)	mg/L	EPA Method 350.2	0,56	6
10	N (Tổng nito) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	2,24 (LOQ=6)	-
11	P (Tổng phot pho) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,40	-
12	Tổng Coliforms ^(b)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B: 2023	<3	3000

Ghi chú:

- Phiếu được chuyển đổi từ phiếu mẫu phụ do Trung tâm Kỹ thuật Môi trường và An toàn Hóa chất cấp (Vimcerts 195).
- Nước thải sinh hoạt (24/N1271)
- Tên khách hàng, tên mẫu và tên chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt (Bộ Tài nguyên môi trường).
- Cột A: Áp dụng khi thải vào các nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
 - + Giá trị nồng độ tối đa cho phép $C_{max} = C \times K$
 - + Giá trị hệ số $K = 1,2$ ứng với loại hình cơ sở sản xuất dưới 500 người.
 - + ^(b): Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195
- LOQ: Giới hạn định lượng



VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Địa chỉ: Tầng 3 - Số 2 Phạm Ngũ Lão - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Hotline: (024) 3824 2107 - 0981 306 660 | Email: trungtamphantich341@gmail.com

- Không được sao chép từng phần hay toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Trung tâm.
- Mọi thông tin và dữ liệu liên quan đến khách hàng cam kết sẽ được bảo mật.

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2024

TU. VIỆN TRƯỞNG

TM. Cán bộ phân tích

Cán bộ kiểm tra

Giám đốc Trung tâm



ThS. Ngô Thị Tuyền Yên

ThS. Nguyễn Thu Hiền

ThS. Nguyễn Đoàn Huy





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình
Địa chỉ: Thôn Bộ Đầu, xã Ninh An, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Ngày lấy mẫu: 06/03/2024
Tên mẫu: Mẫu nước mặt tại mương cấp nước vào công ty
Loại mẫu: Nước mặt
Tình trạng mẫu: Mẫu được bảo quản theo quy định
Thời gian thử nghiệm: 06/03/2024 – 18/03/2024

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 08:2023/BTNMT	
					Bảng 1	Bảng 2 (Mức B)
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492 : 2011	7,4	-	6,0-8,5
2	BOD ₅ (20°C) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1 : 2021	6,7	-	≤6
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C: 2023	13,3	-	≤15
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625: 2000	15	-	≤100
5	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	US EPA Method 350.2	<0,04	0,3	-
6	Florua (F ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500 F ⁻ .B&D: 2023	0,10	1	-
7	Xianua (CN ⁻) ^(b)	mg/L	TCVN 6181: 1996	<0,005	0,01	-
8	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B: 2023	0,002	0,01	-
9	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B: 2023	<0,0002	0,005	-
10	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B: 2023	0,001	0,02	-
11	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(b)	mg/L	TCVN 7939:2008	<0,003	0,01	-
12	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	TCVN 6193:1996	<0,04	0,1	-
13	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	TCVN 6193:1996	0,052	0,5	-
14	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B: 2023	<0,002	0,1	-
15	Mn (Mangan) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B: 2023	0,18	0,1	-
16	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	TCVN 7877:2008	<0,0002	0,001	-
17	Sắt (Fe) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6177 : 1996	0,3	0,5	-





TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 08:2023/BTNMT	
					Bảng 1	Bảng 2 (Mức B)
18	Tổng Phenol ^(b)	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,001	0,005	-
19	N (Tổng nitơ) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	2,8 (LOQ=6)	-	≤1,5
20	Tổng dầu, mỡ ^(b)	mg/L	SMEWW 5520 B : 2023	0,5 (LOQ=0,9)	5	-

Ghi chú:

- Phiếu được chuyển đổi từ phiếu thầu phụ do Trung tâm Kỹ thuật Môi trường và An toàn Hóa chất cấp (Vimcerts 195).
- Mẫu nước mặt tại ruộng cấp nước vào công ty (24/N1272)
- Tên khách hàng, tên mẫu và tên chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt
- Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người
- Bảng 2. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, ruộng, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước.
- Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.
- "-": Không có trong quy chuẩn
- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557
- (b): Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195
- LOQ: Giới hạn định lượng
- Không được sao chép từng phần hay toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Trung tâm.
- Mọi thông tin và dữ liệu liên quan đến khách hàng cam kết sẽ được bảo mật.



Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2024

TU. VIỆN TRƯỞNG

TM. Cán bộ phân tích

Cán bộ kiểm tra

ThS. Ngô Thị Tuyên Yến

ThS. Nguyễn Thu Hiền

ThS. Nguyễn Đoàn Huy



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình
Địa chỉ: Thôn Bộ Đầu, xã Ninh An, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Ngày lấy mẫu: 05/03/2024
Tên mẫu: KT1: Khí thải lò cao số 1
KT2: Khí thải lò cao số 2

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B, Cmax)	QCVN 21:2009/ BTNMT (Cột B, Cmax)
				KT1	KT2		
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	15.787	15.294	-	-
2	Nhiệt độ	°C	CEECs/02	222,3	294,0	-	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	125,1	119,5	160	200
4	CO	mg/Nm ³	QTHT - 40	400,5	284,6	800	-
5	SO ₂	mg/Nm ³	QTHT - 40	71,6	35,8	400	500
6	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QTHT - 40	<5,0	<5,0	680	850
7	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	<2,0	<2,0	6	-
8	NH ₃ (**1)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	<12	<12	40	50
9	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA Method 8	<1,3	<1,3	40	50
10	HF(**5)	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH	KPH	16	-
11	Tổng Florua (F ⁻)	mg/Nm ³	US EPA Method 13A	<0,2	<0,2	-	50



Ghi chú:

- Phiếu được chuyển đổi từ phiếu thầu phụ do Trung tâm Kỹ thuật Môi trường và An toàn Hóa chất cấp (Vimcerts 195).
- Tên khách hàng, tên mẫu và tên chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học.
- Cột B quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học đối với tất cả các cơ sở sản xuất phân bón hóa học với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

+ C là nồng độ thông số ô nhiễm trong khí thải

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải. Lưu lượng nguồn thải P ≤ 20.000 m³/h, K_p=1,0

+ K_v là hệ số vùng. K_v=1 do cơ sở thuộc khu vực loại 3

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: áp dụng cho Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$



Trong đó:

- + C là nồng độ thông số ô nhiễm trong khí thải.
- + K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải. Tổng lưu lượng nguồn thải $P > 100.000m^3/h$, $K_p = 0,8$
- + K_v là hệ số vùng. $K_v=1$ do cơ sở thuộc khu vực loại 3.
- + Dấu (-): Chỉ tiêu không quy định trong quy chuẩn.
- + KPH: Không phát hiện.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024
TUQU. VIỆN TRƯỞNG

TM. Cán bộ QTHT

Cán bộ kiểm tra

Giám đốc Trung tâm



CN. Nguyễn Văn Nam

ThS. Nguyễn Thanh Bình

ThS. Nguyễn Đoàn Huy





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình
Địa chỉ: Thôn Bộ Đầu, xã Ninh An, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Ngày lấy mẫu: 05/03/2024
Tên mẫu: KT3: Khí thải từ quá trình sấy lần 1
KT4: Khí thải từ quá trình sấy lần 2

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B, Cmax)	QCVN 21:2009/ BTNMT (Cột B, Cmax)
				KT3	KT4		
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	17.152	16.674	-	-
2	Nhiệt độ	°C	CEECS/02	73,3	76,7	-	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	108,8	105,3	160	200
4	CO	mg/Nm ³	QTHT - 40	<20,0	<20,0	800	-
5	SO ₂	mg/Nm ³	QTHT - 40	<3,4	<3,4	400	500
6	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QTHT - 40	33,8	54,5	680	850

Ghi chú:

- Phiếu được chuyển đổi từ phiếu mẫu phụ do Trung tâm Kỹ thuật Môi trường và An toàn Hóa chất cấp (Vimcerts 195).
- Tên khách hàng, tên mẫu và tên chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- QCVN 21:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học.
- Cột B quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học đối với tất cả các cơ sở sản xuất phân bón hóa học với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

- + C là nồng độ thông số ô nhiễm trong khí thải
- + K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải. Lưu lượng nguồn thải P ≤ 20.000 m³/h, K_p=1,0
- + K_v là hệ số vùng. K_v=1 do cơ sở thuộc khu vực loại 3

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- Cột B: áp dụng cho Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- + C là nồng độ thông số ô nhiễm trong khí thải.
- + K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải. Tổng lưu lượng nguồn thải P > 100.000m³/h, K_p = 0,8
- + K_v là hệ số vùng. K_v=1 do cơ sở thuộc khu vực loại 3
- + Dấu (-): Chỉ tiêu không quy định trong quy chuẩn.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

TU. VIÊN TRƯỞNG

TM. Cán bộ QTHT

CN. Nguyễn Văn Nam

Cán bộ kiểm tra

ThS. Nguyễn Thanh Bình



ThS. Nguyễn Đoàn Huy



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình
Địa chỉ: Thôn Bộ Đầu, xã Ninh An, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Ngày lấy mẫu: 05/03/2024
Tên mẫu: KT5: Khí thải ống khói khu vực đóng bao
KT6: Khí thải ống khói khu vực nghiền

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B, Cmax)	QCVN 21:2009/ BTNMT (Cột B, Cmax)
				KT5	KT6		
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	135,5	98,5	160	200

Ghi chú:

- Phiếu được chuyển đổi từ phiếu thầu phụ do Trung tâm Kỹ thuật Môi trường và An toàn Hóa chất cấp (Vimcerts 195).
- Tên khách hàng, tên mẫu và tên chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học.
- Cột B quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học đối với tất cả các cơ sở sản xuất phân bón hóa học với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

+ C là nồng độ thông số ô nhiễm trong khí thải

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải. Lưu lượng nguồn thải $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$, $K_p=1,0$

+ K_v là hệ số vùng. $K_v=1$ do cơ sở thuộc khu vực loại 3

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: áp dụng cho Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

+ C là nồng độ thông số ô nhiễm trong khí thải.

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải. Tổng lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$, $K_p = 0,8$

+ K_v là hệ số vùng. $K_v=1$ do cơ sở thuộc khu vực loại 3.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

TU. VIỆN TRƯỞNG

TM. Cán bộ QTHT

Cán bộ kiểm tra

Giám đốc Trung tâm



CN. Nguyễn Văn Nam

ThS. Nguyễn Thanh Bình

ThS. Nguyễn Đoàn Huy



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình
Địa chỉ: Thôn Bộ Đầu, xã Ninh An, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Ngày lấy mẫu: 06/03/2024
Tên mẫu: KT7: Khí thải ống khói khu vực sản xuất NPK 1 màu (Sấy nóng 1)
KT8: Khí thải ống khói khu vực sản xuất NPK 1 màu (Sấy nóng 2)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B, Cmax)	QCVN 21:2009/ BTNMT (Cột B, Cmax)
				KT7	KT8		
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	9.777	9.696	-	-
2	Nhiệt độ	°C	CEECS/02	29,0	29,0	-	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	98,5	89,3	160	200
4	CO	mg/Nm ³	QTHT - 40	111,0	106,4	800	-
5	SO ₂	mg/Nm ³	QTHT - 40	<3,4	<3,4	400	500
6	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QTHT - 40	<5,0	<5,0	680	850

Ghi chú:

- Phiếu được chuyển đổi từ phiếu thầu phụ do Trung tâm Kỹ thuật Môi trường và An toàn Hóa chất cấp (Vimcerts 195).
- Tên khách hàng, tên mẫu và tên chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học.
- Cột B quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học đối với tất cả các cơ sở sản xuất phân bón hóa học với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

+ C là nồng độ thông số ô nhiễm trong khí thải

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải. Lưu lượng nguồn thải P ≤ 20.000 m³/h, K_p=1,0

+ K_v là hệ số vùng. K_v=1 do cơ sở thuộc khu vực loại 3

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: áp dụng cho Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$



VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Địa chỉ: Tầng 3 - Số 2 Phạm Ngũ Lão - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Hotline: (024) 3824 2107 - 0981 306 660 | Email: trungtamphantich341@gmail.com

Trong đó:

- + C là nồng độ thông số ô nhiễm trong khí thải.
- + K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải. Tổng lưu lượng nguồn thải $P > 100.000m^3/h$, $K_p = 0,8$
- + K_v là hệ số vùng. $K_v=1$ do cơ sở thuộc khu vực loại 3.
- + Dấu (-): Chỉ tiêu không quy định trong quy chuẩn.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024
TU. VIỆN TRƯỞNG

TM. Cán bộ QTHT

Cán bộ kiểm tra

Giám đốc Trung tâm



CN. Nguyễn Văn Nam

ThS. Nguyễn Thanh Bình

ThS. Nguyễn Đoàn Huy

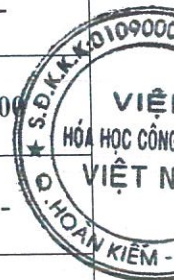




PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình
Địa chỉ: Thôn Bộ Dầu, xã Ninh An, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Ngày lấy mẫu: 06/03/2024
Tên mẫu: KT9: Khí thải ống khói khu vực sản xuất NPK 1 màu (Sấy lạnh 1)
KT10: Khí thải ống khói khu vực sản xuất NPK 1 màu (Sấy lạnh 2)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B, Cmax)	QCVN 21:2009/ BTNMT (Cột B, Cmax)
				KT9	KT10		
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	13.109	12.845	-	-
2	Nhiệt độ	°C	CEECs/02	29,0	29,0	-	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	71,9	78,6	160	200
4	CO	mg/Nm ³	QTHT - 40	<20,0	<20,0	800	-
5	SO ₂	mg/Nm ³	QTHT - 40	<3,4	<3,4	400	500
6	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QTHT - 40	<5,0	<5,0	680	850



Ghi chú:

- Phiếu được chuyển đổi từ phiếu thầu phụ do Trung tâm Kỹ thuật Môi trường và An toàn Hóa chất cấp (Vimcerts 195).
- Tên khách hàng, tên mẫu và tên chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học.
- Cột B quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học đối với tất cả các cơ sở sản xuất phân bón hóa học với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

+ C là nồng độ thông số ô nhiễm trong khí thải

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải. Lưu lượng nguồn thải $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$, $K_p=1,0$

+ K_v là hệ số vùng. $K_v=1$ do cơ sở thuộc khu vực loại 3

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- Cột B: áp dụng cho Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$



**VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH**

Địa chỉ: Tầng 3 - Số 2 Phạm Ngũ Lão - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Hotline: (024) 3824 2107 - 0981 306 660 | Email: trungtamphanthich341@gmail.com

Trong đó:

- + C là nồng độ thông số ô nhiễm trong khí thải.
- + K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải. Tổng lưu lượng nguồn thải $P > 100.000m^3/h$, $K_p = 0,8$
- + K_v là hệ số vùng. $K_v=1$ do cơ sở thuộc khu vực loại 3.
- + Dấu (-): Chỉ tiêu không quy định trong quy chuẩn.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024
TU. VIỆN TRƯỞNG

TM. Cán bộ QTHT

Cán bộ kiểm tra

Giám đốc Trung tâm



CN. Nguyễn Văn Nam

ThS. Nguyễn Thanh Bình

ThS. Nguyễn Đoàn Huy

